

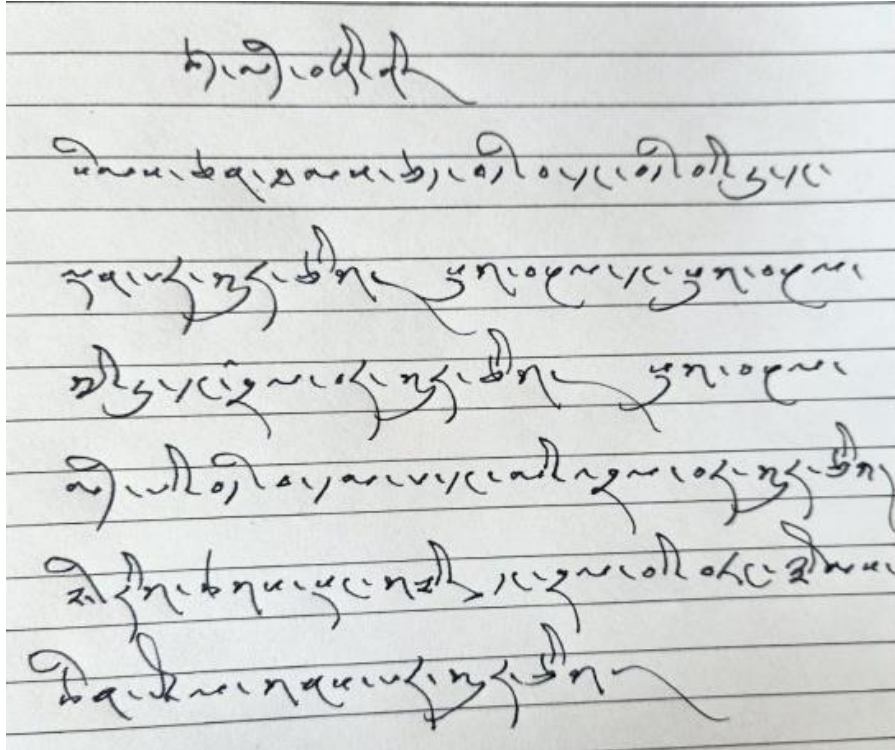
Ý nghĩa chữ viết Tây Tạng

Nguồn gốc chữ viết là điều mà mỗi truyền thống dân tộc luôn bảo tồn và lưu truyền cho đời sau. Có những lịch sử chữ viết cổ thông dụng như Arabic, Indic hay Gupta,¹ Những chữ viết này chúng ta có thể dễ dàng nhận dạng, bởi nó tương tự kiểu mẫu chữ Latin như hiện nay. Bên cạnh đó, có những quốc gia với chữ viết mang vẻ đẹp đặc thù lại vô cùng sáng tạo và độc đáo, không trùng khớp với các nước khác, đó được gọi là chữ tượng hình. Sự nhận dạng của chữ viết là việc thể hiện một âm thanh độc nhất, nó đại diện cho một ngôn ngữ. Trong đó, chữ viết Tây Tạng là một lệ tử được sử dụng như chiếu chỉ, vọng hưởng gián tiếp của chư Phật, thông qua các chân ngôn thần chú.

Hệ thống chữ Tạng chung quy có 7 cấp độ vi tế, nhưng theo số đông của cộng đồng thuật ngữ Tây Tạng yết thị rằng, hiện nay hệ thống hóa cơ bản gồm 3 thể loại, đó là: 1. Uchen (འཇུ་མེན།)² khái

1. Xem thêm Sharma Ram, *Brahmi Script*, B.R. Publishing Corp: Delhi, 2002.

2. Uchen là chữ viết dễ sửa hơn được sử dụng trong bản thảo và sách. Còn chữ Umed được xuất hiện dưới nhiều dạng chữ viết tay



Hình 1. Thể chữ Yigzug, nói về “Tứ vô lượng tâm”. Thủ bút của tác giả

tự đại đầu (ký tự có đầu), là loại chữ được sử dụng thông dụng nhất từ xưa tới nay. 2. Ume (དབུ་མེད།) khái tự vô hữu đầu (ký tự không có đầu), là chữ được viết theo không có

dấu ngang trên đầu, chữ này viết khá thông thái nhẹ nhàng, tùy độ nét thanh đậm, dài hay ngắn của chữ mà tạo dáng chữ dễ xem và 3. Yigzug (ཡིག་གཟུགས།), bút pháp đảo không, là loại hình chữ cao cấp và tốc biến hơn, nó là dạng chữ “viết như không viết”, tốc

khác nhau, chủ yếu được sử dụng trong các văn bản chính thức và liên quan tới xã hội. Xem thêm Narkyid Ngawang Thondup “In Defence of Amdo Gedun Chopel’s Theory of the Origin of Tibetan Script”, *The Tibet Journal*, Vol. VII, No.3, 1982.

độ viết chữ này cực kỳ nhanh và uyển chuyển. Nếu nói ở Trung Quốc có độc nét thư pháp chữ Hán, thì

༄༄།།སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདེ་བ་དང་བདེ་བ་ཉི་མུ་དང་ལྡན་པར་གྱུར་
'ཕྱི་གཤམ་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྤྱུག་བསལ་དང་སྤྱུག་བསལ་གྱི་མུ་དང་བལ་
'བར་གྱུར་ཕྱི་གཤམ་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་མེད་པ་ཉི་བདེ་བ་དང་
མྱི་བལ་བར་གྱུར་ཕྱི་གཤམ་སེམས་ཅན་ཉེ་རྩིང་ཆགས་སྣང་གཉིས་
དང་བལ་བའི་བཏང་སློམས་ལ་གནས་པར་གྱུར་ཕྱི་གཤམ་།

Hình 2. Thẻ chữ Uchen, nói về “Tứ vô lượng tâm”

cách đó không xa (tức nói xứ Tạng) lại có độc quyền bút pháp chữ Tạng, chữ này vô cùng đặc sắc và mỹ diệu. Hiện nay dạng chữ này (Yigzug) (hình 1) và Uchen (hình 2; xem phụ lục bản dịch Việt ngữ) là hai chữ viết thông dụng nhất, được sử dụng trong những công việc có tính chất liên mang và thư trì (舒遲).

Ngoài ra, tiếng Tạng còn có sự phân biệt cấp bậc, hoàn cảnh trong khi sử dụng, như: ‘Phal-ke’ (ཕལ་ཀེ།), nghĩa đen là ngôn ngữ bình dân, còn gọi là ngôn ngữ bản địa. ‘Zhe-sa’ (ཞེ་སེ།), nghĩa là “kính ngữ”, cách nói để thể hiện sự tôn trọng với sở thuyết, đặc biệt những người ở vị trí cao hơn mình. ‘Yig-ke’ (ཡིག་ཀེ།), nghĩa

đen là ngôn ngữ văn học - phong cách viết trong văn học thường lệ; có thể bao gồm ‘choe-ke’ (ཚེས་སྐད།), nghĩa đen là “ngôn ngữ giáo lý” hay “ngôn ngữ trong tôn giáo”, phong cách văn học bao gồm trong kinh và thuyết pháp.

Về lịch sử của việc tạo ra chữ viết Tây Tạng này, các học giả Tây Tạng chấp nhận rằng, cả hai chữ viết Uchen và Ume đều từ Thonmi Sambhota (T. ཐོན་མི་སི་བློ་ཌ།; H. 端美三菩提) được tạo ra dưới thời trị vì của vị vua vĩ đại Songtsen Gampo (སྟེང་བཙུན་སྐམ་པོ།) vào thế kỷ thứ VII stl. Lúc bấy giờ, tình hình kinh tế của đất nước đã được cải thiện về các mảng như: du lịch, thương mại, đối ngoại và thông tin liên lạc,... đều thịnh vượng. Vì lẽ đó mà Tạng vương càng trông ra nhận thấy sự quan trọng việc thiết lập và dụng hành về chữ viết, nên từ đó chữ viết Tây Tạng đã được hình thành từ tư tưởng thoát tiên của vua. Sau đó, đã chọn vị bộ trưởng giỏi nhất trong số mười sáu bộ trưởng xuất sắc của mình là Thonmi Sambhota cùng 16 người cận thần đến Ấn Độ. Ở Ấn Độ, họ nương tựa học hỏi nhiều bậc thầy như: Bà la môn Panditas Lipikara



Hình 3. Thể chữ Lensta, Uchen, Wartu và Ume

(ལི་ཡིན།, Lijin) và Thiên Trí Sư Tử (S. Devavidyasimha; T. ལྷ་རིག་པའི་སེང་གེ།, Lha-Rigpa-Sengge; H. 天智狮子), và đã thực sự thành công trong việc học nhiều loại chữ viết đa dạng khác nhau. Những đạo sư Ấn Độ này cùng với các học giả khác, đã âm ca về bộ trưởng

Thonmi (ཐོན་མི།) bằng cách sáng tạo tên xưng ông là Sambhota (སེང་གེ་འཕྲུལ།), Thánh nhân đến từ xứ sở Tuyết. Sau khi Thonmi trở về Tạng quốc, ngài đã cho tạo đồ hình dung chữ viết Tây Tạng từ

Lensta (ལན་ཚེ།)³ và Wartu (ཤར་ཏུ།).⁴ Vì thế, hệ thống chữ viết Tây Tạng đã sinh động ra đời và tồn tại cho đến ngày nay (hình 3).

Trong thời kỳ trị vì của Tạng vương Songtsen Gampo, vị quan tự giả uyên bác Thonmi Sambhota đã viết một lá thư ca ngợi, tán

3. Lentsa: Theo một giả thuyết thì lanca hay lentsa là một chữ viết cổ của Ấn Độ, trong số những người Bà La Môn thời đó và được coi là hình mẫu nguyên thủy cho của chữ viết Tây Tạng do Thonmi Sambhota tạo ra. Hiện nay, nó là một dạng chữ viết mang tính trang trí đặc trưng của các câu thần chú được các nhà thư pháp ở Nepal và Tây Tạng sử dụng để khắc chữ biểu tượng, như câu ‘Om Maṇi Padme Hūṃ’ (thần chú Quan Âm), ‘Om Ah Hung Benza Guru Pema Siddhi Hung’ (Thần chú Padmasambhava), v.v...

4. Wartu được cho là nguồn gốc của chữ viết Ume. Tuy nhiên, việc nhận dạng hình dáng của chữ vẫn là một chủ đề gây tranh cãi như Namkhai Norbu (ནམ་མཁའ་འཕེལ་བུ།) đã nêu trong Bod-klas phros-pd'i gnam nor-bu'i do-shel (Library of Tibetan Works and Archives, 1981).

thán vị vua vĩ đại của mình, dưới hình thức của một bài thơ, được viết trên một tảng đá trong tu viện tên là Jankhog Nang (ཇམ་ཁོག་ནང།)⁵ nằm ở phía đông Lhasa. Chữ viết được sử dụng trong bài thơ khắc trên đá này có tên là “Như con ếch bò trên đồng cỏ” (S. སླལ་ནག་ན་ལ་བགྲད་ང།, sBal-nag na-la grad'dra; E. Like a frog crawling on a meadow). Kế đoạn hậu lai, mỗi thời đại tiếp nối được xan kéo theo từng gian đoạn ngầm phát triển sau đó, lộ diện rất nhiều nhân tài về chữ viết thông qua các thời kỳ như sau: Dưới thời trị vì kế tiếp của con trai Tạng vương Songtsen Gampo là vua Mangsong Mangtsen (མང་སྟོང་མང་བཙམ།, ?-676) xuất hiện một người rất giỏi về thư pháp, tên là Changar Rinchenbar (ཇང་སྒྲར་རིན་ཆེན་འབར།), phong cách viết của Rinchenbar có tên là “Như những viên gạch bị đóng kín” (T. ས་ཕག་གཤིབས་ང།, Sa-phag gShibs-dra; E. Like close bricks). Kế đến, là thời kỳ đất nước

5. Tu viện Jankhog Nang nay là tu viện Tsunmo tsal (ཚུན་མོ་ཙལ།) và nằm ở Maldro Zong Area.

được trị vì bởi vua Dusrong Mangpoje (དུས་སྐོང་མང་པོ་བཟེ།), lại xuất hiện người có kỹ năng thư pháp tuyệt vời đó là Chakbar Beutse (ཇག་བར་བུས་ཅེ།) và phong cách viết của ông lúc bấy giờ được danh khiêu là “Nhu dấu chân gà trống” (T. བྱད་པོ་འཛེལ་བ་དང།, Bya-pho jol-wa dra; E. Like a trailing of a cock). Lại nữa, trong thời trị vì của vua Tride Tsugtan (གྲི་དེ་ཚུགས་དན།, 704-755 stl), xuất lai một người rất giỏi về nghệ thuật thư pháp cũng như đồ họa hình thể, đó là Genyen Konchog bang (གླེན་ཡན་དཀོན་མཚོག་བད།), cách điệu mà ông thể hiện chữ viết của mình, có tên là “Ngô lúa mạch rải rác trên ni” (T. བས་སྒྲོན་པོ་ཕྱིང་དཀར་གི་སྒྲིང་དུ་དགམ་པ་འབྲ་དཔའ།, Nas-sngon-po phying dkar gyi steng-du dkram-pa dra-wa; E. Like blue barley-corn scattered over felt). Trong thời trị vì của Trisong Detsen (གྲི་སྐོང་ལྷེ་བཙམ།, 742-798 stl), người có kỹ năng giỏi nghệ thuật bút pháp là Pesho Shotram (པེ་ཤོ་ཤོག་གམ།), lợi thủ của ông là cách viết trên trụ cột ở Samye (སམ་ཡས།) được gọi là “Nhu viên ngọc được

sắp xếp hợp lý” (T. མུ་ཏིག་བསྐྱར་ལ་བརྒྱས་པའི་བྲ་བ།, Mu-tig bstar la brgyus pa dra-wa; E. Like properly arranged pearl). Tiếp theo, trong thời trị vì của vua Muni Tsangpo (མུ་ཉི་གཙང་པོ།, 762-799 stl), người có sự khởi xướng phát triển hơn trước, được xưng hiệu là Tsepong Jangchub (ཚེ་སྤོང་བྱང་ཚུབ།), cách viết nổi bật nhất của ông có tên là “Hệt như đàn kiến” (T. འབྲུར་ནག་བགྱལ་པའི་བྲ་བ།, sBur-nag bdrad-pa dra-wa; E. Like straddled ants). Sau đó, dưới thời trị vì của vua Mutig Tsangpo (མུ་ཏིག་གཙང་པོ།, ?-799),⁶ người được vua

6. Theo Tạng sử nói rằng: Đức Tạng vương Trisong Detsen có bốn người con trai: Mutri Tsangpo, Muni Tsangpo, Mutig Tsangpo và Sadnalegs. Người con trai cả, Mutri Tsangpo mất sớm. Muni Tsangpo được cho là đã nắm quyền khi cha ông, Trisong Detsen nghỉ hưu (có lẽ vào khoảng năm 798 stl). Sau một thời gian trị vì ngắn ngủi, Muni Tsangpo được cho là đã bị đầu độc theo lệnh của mẹ ông. Tsephongsa, người ghen tị với người vợ trẻ đẹp của ông, Nữ hoàng Phoyongsa. Sau khi ông qua đời, Mutig Tsangpo là người kế vị ngai vàng. Xem thêm Shakabpa,

công nhận có kỹ năng viết thư pháp nổi tiếng trong nước là Drowa Yonten (བླ་མ་བཟོན་ཡོན་ཏན།) và phong cách chữ viết của ông được ví là “Như cá nhảy ra khỏi nước” (T. ཉ་མོ་ཚུ་ནས་ཐོན་པའི་བླ་བ།, Nya-mo chu-nas thon -pa dra-wa; E. Like fish coming out of water). Sau cùng, dưới thời trị vì của vua Ralpacan (འབྲི་རལ་པ་ཅན།, 802-838 stl), Dra (བླ་) và Shod (ཤོད།) là hai nhà thư pháp lỗi lạc và tôn chỉ chữ viết của họ là “Như sư tử nhảy trên trời” (T. སེང་གེ་གནས་དུ་མཚོང་པའི་བླ་བ།, Seng-ge gnam-du mchongpa dra-wa; E. Like lion jumping in the sky). Sau đó, trong khoảng một thời gian dài, tức là từ giữa thế kỷ thứ IX vào gần cuối thế kỷ thứ X, hầu hết đều không còn đề cập đến bất kỳ ai có kỹ năng viết thư pháp (calligraphy). Mãi cho đến vào cuối thế kỷ thứ X, khi học thuyết của đạo Phật đang được hồi sinh từ thượng lưu sông Ngari (T. མངའ་རིས་ས་ཁུལ།; H. 阿里地區) của Tây Tạng và từ vùng Đông

Tsepon W. D., *Tibet: A Political History*, Yale University Press: New Haven and London, 1967, tr. 47.

bắc Tso-ngon (T. མཚོ་སྒོན།, Kokonor; H. 錯鄂) xuất hiện một người tên Droyatri (དྲོལ་ཌི།) là một chuyên tài thư pháp ở Tây Tạng. Ông đã cải thiện chữ viết Tây Tạng bằng cách sao chép một văn bản và trên các trụ cột. Sau đó, thiêng tượng của ông xuất khởi và đặt tên là “Tôi cận tân đích” (nghĩa là cái mới chuyên biến từ cái gần cũ), tiếng Tạng gọi là Bar-gsar (བར་གསར།). Sau khi ông mở các khoá đào tạo theo truyền thống của ông, đã xuất hiện rất nhiều nhà họa tự thư pháp như: Shakya Dorje (ས་སྐྱེ་དོ་རྗེ།), Khyungpo Yutri (ཁྱུང་པོ་ཡུ་ཌི།), Nanam Shangtsun (སྐ་ནམ་ཤང་ཚུན།), Sumpa Nodjin (སུམ་པ་ནོད་ཇིན།), v.v... Hơn nữa, sự vĩ đại và điều tuyệt vời vượt trội, đặc biệt Khyungpo Yutri (ཁྱུང་པོ་ཡུ་ཌི།), ngài có 12 vị đệ tử xuất sắc nắm giữ nội bộ truyền thống bút pháp này, đặc quyền được thể hiện qua vị học trò lỗi lạc của ngài là bút pháp gia Rongpo (རོང་པོ།), vị mà sau này sẽ trở thành một nhà thơ nổi tiếng.

Được xuất nôi vào đầu thế kỷ thứ IX stl,⁷ học giả vĩ đại Khyungpo Yutri (ལྷུང་པོ་ཡུ་བྱི།) đã cho xây dựng hệ thống nét vẽ cho chữ viết Uchen (དབུ་ཆེན།) bằng cách đọc lại bức thư pháp của dịch giả Tây Tạng vĩ đại Kawa Paltseg (ཀླུ་བ་དཔལ་བརྟེན།) và học trò của mình, là học giả vĩ đại Rongpo (རོང་པོ།) đã viết một bản văn tên là “Hộp báu trong suốt và quý giá” (T. ཡི་གེའི་ཐིག་རིས་གསལ་པའི་རིན་ཆེན་སྒྲོམ་བུ།, Yi-gei thig-ris gsal-bai rin-chen sgrom bu; E. The clear precious box), sau khi Khyungpo Yutri xem khảo thông qua hai bản văn từ hai vị học giả lỗi lạc này, ông đã tạo nên ngã rẽ mới cho việc thực hành, thái dụng và hướng dẫn chữ viết Tây Tạng chính thống và đích thực. Vào thế kỷ thứ XVII, thông qua lời khuyên của thánh Đức Đạt Lai Lạt Ma vĩ đại thứ V - Ngawang Lobsang Gyatso (ངག་དབང་སྒྲོ་བཟང་ཀླུ་མཚོ།, 1617-1682), Desi Sangay Gyatso

7. Thời kỳ này là thời kỳ suy thoái của Phật giáo Tây Tạng sau thời vua Langdharm (ལྷང་དར་མ།).

(1653-1705) (ལྷོ་སྤྱི་དུ་སངས་རྒྱལ་ལྷོ་མཚོ།) đã viết một bài bình luận, được đề cập ở trên “Chiếc hộp quý giá trong suốt” vào năm 1687, điều đó đã chứng tỏ việc được thiết lập trên cơ sở xác thực hơn, trong việc sử dụng chữ viết Uchen (དབུ་ཚེན།).

Chữ Umed (དབུ་མེད།) còn gọi là chữ viết không đầu của tiếng Tây Tạng, nó xuất phát từ hai truyền thống Li (ལི།) và Dan (ལྷན།). Kiểu chữ Li ngày nay không còn phổ biến nhiều, nhưng chữ Dan vẫn còn tập lệnh và đang được sử dụng rộng rãi. Truyền thống này đến từ dịch giả Denma Tsemang (ལྷན་མ་ཚེ་མང།), người sống vào giữa thế kỷ thứ VIII, thời trị vì của Tạng vương Trisong Detsen (འབྲི་སྤྱི་དུ་ལྷོ་བཙུན།). Sau này, không còn có chữ viết nào được chấp nhận rộng rãi, vì sở hữu giả đã công lập, áp dụng cách viết riêng của mình. Lúc bấy giờ, vào thế kỷ XV, Gyaltsapa Rabten Kunsang (རྒྱལ་ལྷོ་མཚོ་ལ་རབ་བརྟན་རྒྱལ་བཟང།) đã kiết tập lại tất cả các mẫu chữ viết tay của nhiều học giả theo phong cách Dan (ལྷན།) và chọn những điều cốt lõi, rõ ràng nhất trong số đó, để soạn tác một

văn bản, bao gồm sự giảng giải của dòng chữ Umed. Như đã đề cập trước đó, Desi Sangay Gyatso (འཕེ་སྒྲིག་མངས་ཀྱིས་ཀྱི་མཚོ།) cũng đã từng viết một bản bình luận văn và thiết lập hệ thống chữ Uchen, một cách trứ thực và phổ quát hơn từ tập lệnh Umed. Vào giữa thế kỷ thứ XIX, những mô hình phác họa đường nét rõ ràng này, đã tạo hóa thành hai mẫu chữ Uchen và Umed như hiện nay, và nó cũng được dùng trong chạm khắc vào các khối gỗ, để in ấn với mục đích tôn lên vẻ mỹ miều và tưởng nhớ đến các vị đã tạo nên mẫu chữ tuyệt vời này, đặc biệt ở tu viện Kumbum (ལྷོ་འབྲུམ།) ở Kokonor còn lưu giữ rất nhiều khối gỗ với điêu khắc các mẫu chữ viết cổ Tây Tạng, nó vẫn không thay đổi trong nhiều thế kỷ qua. Người ta tin rằng, khối gỗ này hiện được bảo tồn trong một thư viện ở Bắc Kinh - Trung Quốc.

Phụ lục: Bản dịch Việt ngữ “Tứ vô lượng tâm”.

༄༅། སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདེ་བ་དང་བདེ་བའི་རྒྱ་དང་ལྷན་པར་གྱུར་ཅིག།

Cầu mong cho tất cả hữu tình chúng sanh có được ý hướng hạnh phúc từ nguyên nhân của hạnh phúc.

སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྤྱུག་བསལ་དང་སྤྱུག་བསལ་གྱི་རྒྱ་དང་བལ་བར་གྱུར་ཅིག།

Cầu mong cho tất cả hữu tình chúng sanh viễn ly khổ và nguyên nhân của khổ.

སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྤྱུག་བསལ་མེད་པའི་བདེ་བ་དང་མྱི་བལ་བར་གྱུར་ཅིག།

Cầu mong cho tất cả hữu tình chúng sanh đừng rời xa hạnh phúc của cái không khổ đau.

སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉེ་རྒྱུ་ཆགས་སྣང་གཉིས་དང་བལ་བའི་བཏང་སློམས་ལ་གནས་

པར་གྱུར་ཅིག།

Cầu mong cho tất cả hữu tình chúng sanh có được phúc lạc trong sự viễn ly, ở nơi hai khoảng cách gần xa của sự ái ô.